



DANH MỤC HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED INSPECTION ACTIVITIES

(Kèm theo quyết định số: 1540/QĐ - VACI ngày 24 tháng 08 năm 2026
của Viện trưởng Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam)



Tổ chức giám định/

Inspection Body:

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH ALPHACONTROL

ALPHACONTROL INSPECTION JOINT STOCK COMPANY

Mã số công nhận/

Accreditation No.:

VAAS 008

Trụ sở chính/

Head Office:

**Tầng 1, chung cư Hạ Long, đường 25/4, tổ 11, khu 3, phường Hồng Gai,
thành phố Quảng Ninh**

**Floor 1, Ha Long Apartment, Street 25/4, Group 11, Quarter 3, Hong Gai
Ward, Quang Ninh City, Vietnam**

Địa điểm công nhận/

Accredited Locations:

**Xóm 1, khu dân cư Hiệp Thượng, phường Phạm Sư Mạnh, Thành phố
Hải Phòng**

**Hamlet 1, Hiep Thuong Residential area, Pham Su Manh Ward, Hai Phong
City, Vietnam**

Điện thoại/ Tel.:

0982 156 606

Website:

<https://alphacontrol.info/>

Người đại diện/

Authorized Representative:

Nguyễn Anh Dũng

Hiệu lực công nhận/

Period of accreditation:

24/ 03/ 2027



PHẠM VI GIÁM ĐỊNH ĐƯỢC CÔNG NHẬN
SCOPE OF ACCREDITED INSPECTIONS

VAAS 008

STT/ No.	Chương trình giám định/ Inspection scheme	Lĩnh vực giám định (và lĩnh vực con)/ Inspection Field (and sub-fields)	Phạm vi giám định/ Range of Inspection	Giai đoạn giám định/ Stage of inspection	Quy trình giám định/ Inspection procedures
Bộ phận thực hiện giám định/ Department performing inspection:					
Phòng Nghiệp vụ/ Operation Department					
Loại Tổ chức giám định/ Inspection Body Type: Loại A/ Type A					
1.	Chương trình giám định thương mại/ Commercial Inspection Scheme	Nhiên liệu rắn/ Solid Fuels - Than đá/ Coals - Than cốc/ Coke	Giám định phẩm chất/ Specification of Goods + Lấy mẫu/ Sampling + Giám định chất lượng/ Quality Inspection Định lượng hàng hóa/ Quantification of goods + Giám định khối lượng qua cân cầu/ Weight Determination by Weighbridge + Giám định khối lượng qua mớn nước/ Weight Determination by Draft Survey	- Giám định khi xuất, nhập khẩu/ Import, Export Inspection - Giám định khi mua bán nội địa/ Domestic Trade Inspection - Giám định khi xuất, nhập kho/ Inspection at Warehouse Receipt and Dispatch - Giám định khi vận chuyển, chuyển tải/ Inspection During Transportation and Transshipment	- PPGĐ.03 - PPGĐ.08 - PPGĐ.09 - PPGĐ.10 - PPGĐ.11
		Quặng và khoáng sản/ Ores and mineral + Quặng sắt/ Iron Ore + Đá vôi/ Limestone	Giám định phẩm chất/ Specification of Goods + Lấy mẫu/ Sampling + Giám định chất lượng/ Quality Inspection + Giám định bao bì, ký mã hiệu/ Packaging and Marking Inspection Định lượng hàng hóa/ Quantification of goods + Giám định khối lượng qua cân/	- Giám định khi xuất, nhập khẩu/ Import, Export Inspection - Giám định khi mua bán, vận chuyển nội địa/ Inspection for Domestic Trade and Transportation - Giám định khi xuất, nhập kho/ Inspection at Warehouse Receipt and Dispatch	- PPGĐ.03 - PPGĐ.08 - PPGĐ.10 - PPGĐ.12 - PPGĐ.17
		Vật liệu xây dựng/ Construction Materials + Clinker/ Clinker + Xi măng/ Cement	Giám định phẩm chất/ Specification of Goods + Lấy mẫu/ Sampling + Giám định chất lượng/ Quality Inspection + Giám định bao bì, ký mã hiệu/ Packaging and Marking Inspection Định lượng hàng hóa/ Quantification of goods + Giám định khối lượng qua cân/	- Giám định khi xuất, nhập khẩu/ Import, Export Inspection - Giám định khi mua bán, vận chuyển nội địa/ Inspection for Domestic Trade and Transportation - Giám định khi xuất, nhập kho/ Inspection at Warehouse Receipt and Dispatch	- PPGĐ.02 - PPGĐ.03 - PPGĐ.06 - PPGĐ.08 - PPGĐ.10 - PPGĐ.13 - PPGĐ.17 - PPGĐ.19

PHẠM VI GIÁM ĐỊNH ĐƯỢC CÔNG NHẬN
SCOPE OF ACCREDITED INSPECTIONS

VAAS 008

STT/ No.	Chương trình giám định/ Inspection scheme	Lĩnh vực giám định (và lĩnh vực con)/ Inspection Field (and sub-fields)	Phạm vi giám định/ Range of Inspection	Giai đoạn giám định/ Stage of inspection	Quy trình giám định/ Inspection procedures
			<i>Weight Determination by Weighing</i> + Giám định khối lượng qua mớn nước/ <i>Weight Determination by Draft Survey</i> + Giám định khối lượng theo thể tích/ <i>Weight Determination by Volume</i>		
		- Hàng hải/ Marine Cargo + Hàng rời/ <i>Bulk Cargo</i> + Hàng đóng bao/ <i>Bagged Cargo</i> + Hàng khô/ <i>Dry Cargo</i>	- Kín chắc hầm hàng/ Cargo Hold Tightness Survey - Sạch sẽ hầm hàng/ Cargo Hold Cleanliness Survey	- Giám định trước khi xếp hàng lên tàu/ <i>Pre-Loading Inspection</i>	- PPGĐ.04 - PPGĐ.13 - PPGĐ.15
			- Niêm phong hầm hàng/ Cargo Hold Sealing	- Giám định trước khi dỡ hàng hoặc sau khi xếp hàng lên tàu/ <i>Pre-Discharge or Post-Loading Inspection</i>	- PPGĐ.18

* **Ghi chú/ Note:**

- PPGĐ.xx: Quy trình giám định do tổ chức giám định xây dựng/ *Inspection procedures developed by the IB.*

PHẠM VI GIÁM ĐỊNH ĐƯỢC CÔNG NHẬN
SCOPE OF ACCREDITED INSPECTIONS

VAAS 008

DANH MỤC PHƯƠNG PHÁP/ QUY TRÌNH GIÁM ĐỊNH
LIST OF INSPECTION METHODS/ PROCEDURES

Tên phương pháp/ quy trình giá định <i>Name of inspection methods/ procedures</i>	Mã số/ <i>Code:</i>	Phiên bản/ <i>Version</i>	Ngày ban hành/ <i>Date of issue</i>
Phương pháp giám định khối lượng bằng cân bàn	PPGD.02	01	01/06/2021
Phương pháp giám định khối lượng bằng cân cầu	PPGD.03	01	01/06/2021
Phương pháp giám định tình trạng	PPGD.04	01	01/06/2021
Phương pháp giám định bao bì	PPGD.06	01	01/06/2021
Phương pháp giám định khối lượng qua mớn nước (tàu biển)	PPGD.08	01	01/06/2021
Phương pháp giám định than đá	PPGD.09	01	12/12/2025
Phương pháp giám định khối lượng qua mớn nước (Sà lan)	PPGD.10	01	01/06/2021
Phương pháp giám định quy cách phẩm chất	PPGD.11	02	16/06/2026
Phương pháp giám định phẩm chất quặng sắt	PPGD.12	01	01/06/2021
Phương pháp giám định vệ sinh hầm tàu	PPGD.13	01	01/06/2021
Phương pháp giám định kín chắc hầm tàu	PPGD.15	01	01/06/2021
Phương pháp giám định Xi măng	PPGD.17	01	01/06/2021
Phương pháp giám định niêm chì (kẹp chì)	PPGD.18	01	01/06/2021
Phương pháp giám định thể tích	PPGD.19	01	01/06/2021